

MỤC LỤC

Nội dung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4,334,454,899,739	3,208,951,948,303
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	01	2,467,177,235,508	1,958,064,548,124
1. Tiền	111		621,395,235,508	287,064,548,124
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,845,782,000,000	1,671,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		708,576,824,344	39,479,723,350
1. Đầu tư ngắn hạn	121	02	708,582,417,887	48,576,276,394
2. Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(5,593,543)	(9,096,553,044)
III. Các khoản phải thu	130		765,816,809,911	859,893,313,934
1. Phải thu của khách hàng	131	03	178,171,754,660	188,931,745,641
2. Trả trước cho người bán	132	04	81,826,389,964	70,757,652,186
3. Các khoản phải thu khác	135	05	508,636,405,430	603,491,045,600
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2,817,740,143)	(3,287,129,493)
IV. Hàng tồn kho	140		326,722,341,485	303,697,604,128
1. Hàng tồn kho	141	06	338,153,648,703	317,614,040,657
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(11,431,307,218)	(13,916,436,529)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		66,161,688,490	47,816,758,767
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		46,219,439,670	14,434,824,512
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12,165,489,627	5,679,645,734
3. Các khoản thuế phải thu	154		2,362,877,911	17,515,321,638
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5,413,881,282	10,186,966,883

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014*

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3,556,458,170,521	3,169,293,630,695
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6,881,984,649	-
1. Phải thu dài hạn khác	218		6,881,984,649	-
II. Tài sản cố định	220		1,604,499,913,809	1,371,191,674,104
1. Tài sản cố định hữu hình	221	07	944,856,134,009	919,281,789,101
- Nguyên giá	222		1,913,342,945,349	1,755,145,801,018
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(968,486,811,340)	(835,864,011,917)
2. Tài sản cố định vô hình	227	08	646,944,145,854	326,200,228,842
- Nguyên giá	228		778,528,706,931	429,548,357,289
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(131,584,561,077)	(103,348,128,447)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	09	12,699,633,947	125,709,656,161
III. Bất động sản đầu tư	240		18,871,519,542	21,444,908,571
- Nguyên giá	241		34,524,970,816	34,524,970,816
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(15,653,451,274)	(13,080,062,245)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,761,493,134,319	1,598,422,166,021
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10	1,471,505,599,984	1,257,100,000,000
2. Lợi thế thương mại	269		281,347,534,335	326,322,166,021
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11	8,640,000,000	15,000,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		164,711,618,201	178,234,881,999
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		109,087,815,113	124,374,000,279
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		42,446,091,128	40,647,012,600
3. Tài sản dài hạn khác	268		13,177,711,960	13,213,869,120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7,890,913,070,260	6,378,245,578,998

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014*

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		1,597,637,137,738	1,495,030,377,728
I. Nợ ngắn hạn	310		1,532,562,767,650	1,265,590,486,146
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	540,543,675,585	400,939,212,302
2. Phải trả cho người bán	312	13	283,746,505,905	283,772,381,108
3. Người mua trả tiền trước	313	14	38,252,764,215	34,950,728,208
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	49,889,261,445	81,827,122,663
5. Phải trả công nhân viên	315		73,215,727,309	58,642,156,537
6. Chi phí phải trả	316	16	325,807,475,802	230,109,039,925
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	172,485,797,803	122,357,506,054
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		48,621,559,586	52,992,339,349
II. Nợ dài hạn	330		65,074,370,088	229,439,891,582
1. Nợ dài hạn khác	333		52,299,553,962	60,554,121,882
2. Vay và nợ dài hạn	334	18	12,774,816,126	168,885,769,700
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +420)	400		6,192,245,635,867	4,881,643,588,931
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	6,192,245,635,867	4,881,643,588,931
1. Vốn cổ phần	411		2,566,533,970,000	1,676,282,700,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3,274,294,092,590	2,344,308,719,177
3. Cổ phiếu quỹ	414		(805,826,191,900)	(152,626,203,900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		25,370,280,515	25,370,280,515
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		25,792,635,752	25,792,635,752
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		15,909,752,661	15,909,752,661
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1,090,171,096,249	946,605,704,726
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		101,030,296,655	1,571,612,339
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7,890,913,070,260	6,378,245,578,998

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
- USD		2,759,988	1,389,939
- EURO		103	110

Người lập



Trần Minh Nguyệt

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Oanh

TP. HCM, Ngày 12 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám Đốc



Trần Lệ Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV /2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV /2014		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1,342,359,260,081	1,192,787,462,169	5,160,847,692,077	4,687,150,831,509
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		25,203,496,155	63,287,249,444	174,645,069,200	124,291,483,177
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1,317,155,763,926	1,129,500,212,725	4,986,202,622,877	4,562,859,348,332
4. Giá vốn hàng bán	11		789,718,515,914	697,513,189,665	2,832,192,883,638	2,587,876,570,009
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		527,437,248,012	431,987,023,060	2,154,009,739,239	1,974,982,778,324
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	45,807,701,890	23,179,642,438	144,775,304,204	109,995,024,236
7. Chi phí tài chính	22	22	4,577,004,126	26,108,848,161	27,826,518,670	73,417,562,760
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		(755,169,775)	13,460,375,371	20,704,495,022	49,817,337,421
8. Chi phí bán hàng	24		367,091,000,448	184,973,143,023	1,224,678,050,036	983,885,078,601
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		125,649,942,531	134,519,745,741	427,641,162,361	400,688,616,994
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75,927,002,797	109,564,928,573	618,639,312,376	626,986,544,205
11. Thu nhập khác	31	23	55,180,366,141	14,934,710,887	74,090,973,132	28,876,072,559
12. Chi phí khác	32	24	7,288,469,399	16,926,822,270	25,231,688,823	43,477,124,829
13. Lợi nhuận khác	40		47,991,896,742	(1,992,111,383)	48,859,284,309	(14,601,052,270)
14. (Lỗ) lợi nhuận từ công ty liên kết	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		123,818,899,539	107,572,817,190	667,498,596,685	612,385,491,935
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	22,745,476,468	3,430,979,864	120,402,824,181	101,709,604,510
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		7,442,511,525	8,808,992,814	70,921,472	9,692,331,376
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		93,630,911,546	95,332,844,511	547,024,851,031	500,983,556,049
Phân bổ cho:						
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		540,936,988	227,959,672	1,124,819,867	(1,149,141,864)
Cổ đông của công ty mẹ	62		93,089,974,558	95,104,884,840	545,900,031,164	502,132,697,913

TP. HCM, Ngày 12 tháng 02 năm 2015

Người lập



Trần Minh Nguyệt

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Oanh

Tổng Giám Đốc



Trần Lệ Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		667,498,596,685	618,617,962,194
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		226,875,007,313	230,052,975,960
- Các khoản dự phòng	3		(12,045,478,162)	(7,383,394,361)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		1,767,073,343	2,258,288,851
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(136,563,594,120)	(103,152,864,326)
- Chi phí lãi vay	6		20,704,495,022	43,391,810,398
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	-	768,236,100,081	783,784,778,716
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	9		(61,200,906,572)	70,706,973,679
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10		(20,539,608,046)	6,331,711,241
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		153,449,511,664	51,056,516,330
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12		(16,477,650,048)	21,822,216,240
- Tiền lãi vay đã trả	13		(21,871,131,707)	(44,439,725,376)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(148,948,529,489)	(181,490,308,355)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,588,401,143	6,232,230,468
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(26,680,355,851)	(39,495,349,366)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-	627,555,831,175	674,509,043,577
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(418,106,888,909)	(179,465,405,244)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1,121,728,587	7,167,957,959
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(286,000,000,000)	(2,410,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		321,700,000,000	2,592,419,036,288
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,121,505,599,984)	(1,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9,727,477,557	32,504,017,702
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		507,594,445,643	48,790,143,022

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	-	(985,468,837,106)	89,915,749,727
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1,918,570,507,862	696,877,189,600
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(653,199,988,000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,463,206,818,357	1,603,649,310,611
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,481,368,697,088)	(1,618,068,675,638)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(380,072,012,784)	(318,258,857,916)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		867,136,628,347	364,198,966,657
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		509,223,622,416	1,128,623,759,961
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		1,958,064,548,124	829,459,259,294
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(110,935,031)	(18,471,131)
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70		2,467,177,235,508	1,958,064,548,124

TP. HCM, Ngày 12 tháng 02 năm 2015

Người lập



Trần Minh Nguyệt

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Oanh



Tổng Giám Đốc



Trần Lệ Nguyên

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Quý IV năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Kinh Đô (“KDC” hoặc “Công ty”), các công ty con, các công ty liên kết và một công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

KDC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đây:

<u>GCNĐKKD điều chỉnh:</u>	<u>Ngày:</u>
Số 4103001184	
Điều chỉnh lần thứ nhất	26 tháng 11 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ hai	22 tháng 9 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ ba	11 tháng 12 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ tư	3 tháng 8 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ năm	7 tháng 10 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 5 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ bảy	18 tháng 5 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ tám	6 tháng 7 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ chín	6 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười	10 tháng 10 năm 2008
Số 0302705302	
Điều chỉnh lần thứ mười một	21 tháng 1 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười hai	1 tháng 11 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười ba	26 tháng 03 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	02 tháng 03 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	23 tháng 11 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	21 tháng 3 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	2 tháng 4 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười tám	18 tháng 11 năm 2013

KDC được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của KDC là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDC có trụ sở chính đăng ký tại số 138-142 Hai Bà Trưng, Phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Cơ cấu tổ chức

Các công ty con

• Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương (“KDBD”)

KDC sở hữu 99.92% vốn cổ phần trong KDBD, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐK KD số 4603000129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004.

Hoạt động chính của KDBD là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDBD có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- **Công ty Cổ phần Vinabico (“Vinabico”)**

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong Vinabico, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003.

Hoạt động chính của Vinabico là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo và sản xuất nước uống tinh khiết.

Vinabico có trụ sở và nhà máy đăng ký tại 436 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- **Công ty TNHH MTV KIDO (“KIDO”)**

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong KIDO, một công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001557 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003.

Hoạt động chính của KIDO là sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống như kem ăn, sữa và các sản phẩm làm từ sữa.

KIDO có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- **Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc (“NKD”)**

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong NKD, một công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 139/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 19 tháng 8 năm 1999 và GCNĐKKD số 0503000001 và số 0900178525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên lần lượt cấp ngày 28 tháng 1 năm 2000 và ngày 25 tháng 1 năm 2011.

Hoạt động chính của NKD là sản xuất và chế biến các loại thực phẩm, bao gồm các loại bánh thượng hạng, kinh doanh thực phẩm, các loại đồ uống, rượu và thuốc lá tại Việt Nam, và cho thuê nhà xưởng.

NKD có trụ sở chính đăng ký tại Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam và một chi nhánh tại số 200 Thái Hà, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- **Công ty TNHH Tân An Phước (“TAP”)**

KDC sở hữu 80% vốn điều lệ trong TAP, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309403269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009.

Hoạt động chính của TAP là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

TAP có trụ sở đăng ký tại số 6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- **Tổng Công ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam (“VOC”)**

KDC sở hữu 24% vốn điều lệ trong VOC, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần: số 0300585984 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2014.

Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu. Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, dầu thực vật, sản phẩm tinh dầu, nông lâm sản có dầu và vật tư thiết bị chuyên dùng cho nhiệm vụ của Tổng Công ty; Sản xuất dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, và các sản phẩm từ cây có dầu; Sản xuất diesel sinh học (biodiesel) (không sản xuất tại trụ sở); Sản xuất hương liệu, mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa (không sản xuất tại trụ sở); Chế biến lương thực, thực phẩm (xay xát lúa mì, mì ăn liền, bánh kẹo, sữa) (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất bia (không sản xuất tại trụ sở Công ty); Sản xuất nước giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty); Sản xuất các loại bao bì bằng gỗ (không sản xuất tại trụ sở); Sản xuất các loại bao bì bằng giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa (không sản xuất tại trụ sở); Sản xuất các loại bao bì từ plastic (không sản xuất tại trụ sở); Chế biến thức ăn chăn nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản) (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê kho, bãi, nhà để làm văn phòng làm việc (chỉ thực hiện khi có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt); Khai thác và cung cấp các dịch vụ cảng để xuất nhập khẩu dầu thực vật và các loại hàng hóa khác. Đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty liên doanh đồng kiểm soát

• Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue (“Lavenue”)

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Lavenue, một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐK KD số 0310306044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010.

Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Lavenue có trụ sở đăng ký tại Lầu 3, Tòa nhà May Flower, 12 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá do Ngân hàng ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP HCM công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị nhiên vật liệu tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Thương hiệu	20 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Lợi thế quyền thuê đất	55 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và khấu trừ được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các loại chứng khoán đầu tư dài hạn không giao dịch trên thị trường thì căn cứ vào số lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của công ty phát hành các chứng khoán này tại thời điểm kết thúc năm tài chính cùng kỳ.

Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh đồng kiểm soát

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ghi nhận chi phí phải trả, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn cổ phần) được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu (bằng số cổ phần đã phát hành nhân với mệnh giá)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với Doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp này được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các niên độ kế toán trước và sau.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên Bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ thực hiện được.

Những thông tin bổ sung

01- Tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt	9,339,417,165	1,902,172,564
- Tiền gửi ngân hàng	610,524,818,343	282,810,221,399
- Tiền đang chuyển	1,531,000,000	2,352,154,161
- Các khoản tương đương tiền	<u>1,845,782,000,000</u>	<u>1,671,000,000,000</u>
Tổng cộng	<u>2,467,177,235,508</u>	<u>1,958,064,548,124</u>

02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	106,299,143	4,876,276,394
Chứng khoán đã niêm yết:	8,299,143	1,278,276,394
Chứng khoán chưa niêm yết	-	3,500,000,000
Trái phiếu doanh nghiệp	98,000,000	98,000,000
- Đầu tư ngắn hạn khác	708,476,118,744	43,700,000,000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(5,593,543)	(9,096,553,044)
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(5,593,543)	(1,096,553,044)
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	(8,000,000,000)
Tổng cộng	<u>708,576,824,344</u>	<u>39,479,723,350</u>

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Giá trị thuần của chứng khoán kinh doanh		2,705,600		3,681,723,350
Chứng khoán kinh doanh		8,299,143		4,778,276,394
<i>Trong đó</i>				
Cổ phiếu niêm yết		8,299,143		1,278,276,394
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	71	3,837,667	27,412	1,021,814,918
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	-	-	18,144	252,000,000
Các cổ phiếu khác	-	4,461,476	-	4,461,476

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu chưa niêm yết		-		3,500,000,000
Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	-	-	50,000	3,500,000,000

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(5,593,543)	(1,096,553,044)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư ngắn hạn khác	708,574,118,744	35,700,000,000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	708,476,118,744	43,700,000,000
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn	98,000,000	98,000,000
<i>Trong đó</i>		
Trái phiếu của Công ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh	98,000,000	98,000,000
Đầu tư ngắn hạn khác vào các bên liên quan	8,000,000,000	43,700,000,000
<i>Trong đó:</i>		
Cho công ty Cổ Phần Hùng Vương vay	-	35,700,000,000
Cho công ty Tribeco Bình Dương vay	8,000,000,000	8,000,000,000
Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	-	(8,000,000,000)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư ngắn hạn	<u>708,576,824,344</u>	<u>39,479,723,350</u>
03- Phải thu khách hàng	Cuối kỳ	Đầu năm
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên liên quan	30,391,030,463	26,479,518,640
Phải thu các bên thứ ba	<u>147,780,724,197</u>	<u>162,452,227,001</u>
Tổng cộng	<u>178,171,754,660</u>	<u>188,931,745,641</u>
04- Trả trước cho người bán	Cuối kỳ	Đầu năm
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước cho các bên liên quan	8,755,048,742	13,950,621,542
Trả trước cho các bên thứ ba	<u>73,071,341,222</u>	<u>56,807,030,644</u>
Tổng cộng	<u>81,826,389,964</u>	<u>70,757,652,186</u>
05- Các khoản phải thu khác	Cuối kỳ	Đầu năm
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên liên quan	1,450,000	402,054,592,874
Lãi tiền gửi phải thu	28,713,004,976	-
Phải thu khác	<u>479,921,950,454</u>	<u>201,436,452,726</u>
Tổng cộng	<u>508,636,405,430</u>	<u>603,491,045,600</u>

06- Hàng tồn kho	Cuối kỳ	Đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	27,139,791,466	8,398,681,676
- Hàng gửi đi bán	-	8,479,275,211
- Nguyên liệu, vật liệu	178,221,502,899	182,115,956,240
- Công cụ, dụng cụ	39,826,029,515	37,506,961,237
- Chi phí SX, KD dở dang	654,139,318	3,464,716,868
- Thành phẩm	56,075,191,522	66,529,353,608
- Hàng hóa	36,236,993,983	11,119,095,817
Cộng giá gốc hàng tồn kho	338,153,648,703	317,614,040,657
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11,431,307,218)	(13,916,436,529)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	326,722,341,485	303,697,604,128

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT □

07- TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá	[1]	[2]	[3]	[4]	-
Dư đầu	411,196,221,621	1,137,682,791,711	130,235,425,057	76,031,362,629	1,755,145,801,018
Tăng trong kỳ	3,518,504,084	153,758,709,898	15,307,935,659	8,074,785,587	180,659,935,228
<i>Trong đó:</i>					
Mua mới	3,518,504,084	22,017,096,189	15,307,935,659	6,157,447,199	47,000,983,131
Chuyển từ xây dựng cơ bản		131,741,613,709			131,741,613,709
Phân loại lại tài sản		-	-	-	-
Khác	-	-	-	1,917,338,388	1,917,338,388
Giảm trong kỳ	(39,750,000)	(12,813,290,422)	(7,008,386,611)	(2,601,363,864)	(22,462,790,897)
<i>Trong đó:</i>					
Bán, thanh lý, giảm khác	-	(10,895,952,034)	(7,008,386,611)	(2,601,363,864)	(20,505,702,509)
Phân loại lại tài sản	-	(89,456,260)	-	-	(89,456,260)
Khác	(39,750,000)	(1,827,882,128)	-	-	(1,867,632,128)
Dư cuối	414,674,975,705	1,278,628,211,187	138,534,974,105	81,504,784,352	1,913,342,945,349
Khấu hao lũy kế:					
Dư đầu kỳ	116,047,106,874	606,650,251,926	64,453,600,899	48,713,052,218	835,864,011,917
Khấu hao trong kỳ	25,531,979,521	102,190,634,584	13,997,943,117	7,964,017,560	149,684,574,783
Giảm - bán, thanh lý	(39,750,000)	(8,636,018,988)	(5,844,837,702)	(2,520,387,047)	(17,040,993,737)
Khác	(20,781,624)	(915,629,910)	-	915,629,910	(20,781,624)
Dư cuối kỳ	141,518,554,771	699,289,237,612	72,606,706,314	55,072,312,642	968,486,811,340
Giá trị còn lại					
Dư đầu kỳ	295,149,114,747	531,032,539,785	65,781,824,158	27,318,310,411	919,281,789,101
Dư cuối kỳ	273,156,420,934	579,338,973,575	65,928,267,791	26,432,471,710	944,856,134,009

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**08- TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Thương hiệu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Lợi thế quyền thuê đất	Mối quan hệ với khách hàng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	
Dư đầu kỳ	16,591,966,348	1,278,278,770	76,794,973,826	55,268,061,157	277,615,077,188	2,000,000,000	429,548,357,289
Tăng trong kỳ:	-	350,000,000,000	457,000,000	-	-	-	350,457,000,000
<i>Trong đó:</i>							
Mua mới	-		457,000,000	-	-	-	457,000,000
Tăng khác	-	350,000,000,000	-	-	-	-	350,000,000,000
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	-	(1,476,650,358)	-	-	-	(1,476,650,358)
<i>Trong đó:</i>							-
Bán, thanh lý	-	-	(1,476,650,358)	-	-	-	(1,476,650,358)
Dư cuối kỳ	16,591,966,348	351,278,278,770	77,251,973,826	55,268,061,157	277,615,077,188	2,000,000,000	778,528,706,931
Khấu hao lũy kế							
Dư đầu kỳ	4,977,589,905	1,068,653,512	35,495,842,822	7,919,881,904	52,052,826,972	1,833,333,332	103,348,128,447
Khấu hao trong kỳ	1,659,196,635	20,213,664	7,941,218,577	2,504,173,958	17,350,942,324	166,666,668	29,642,411,825
Giảm - bán, thanh lý	-	-	(1,405,979,195)	-	-	-	(1,405,979,195)
Dư cuối kỳ	6,636,786,540	1,088,867,176	42,031,082,204	10,424,055,862	69,403,769,296	2,000,000,000	131,584,561,077
Giá trị còn lại							
Dư đầu kỳ	11,614,376,443	209,625,258	41,299,131,004	47,348,179,253	225,562,250,216	166,666,668	326,200,228,842
Dư cuối kỳ	9,955,179,808	350,189,411,594	35,220,891,623	44,844,005,295	208,211,307,892	-	646,944,145,854

09- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Lắp đặt máy móc						4,243,417,842	120,770,769,156
Phát triển phần mềm						7,974,438,730	2,437,080,393
Khác						481,777,375	2,501,806,612
Tổng cộng						12,699,633,947	125,709,656,161

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

10- Đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Lavenue	1,050,000,000,000	50	1,050,000,000,000	50
Công ty TNHH Tân An Phước	-	-	205,300,000,000	49
Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Thành Thái	-	-	1,800,000,000	30
Tổng Công ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	421,505,599,984	24		
Tổng Cộng	1,471,505,599,984		1,257,100,000,000	

11- Đầu tư dài hạn

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Chứng khoán	86	8,640,000,000	150	15,000,000,000
<i>Trong đó</i>				
Công ty Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt	86.40	8,640,000,000	150	15,000,000,000
Tổng cộng:		8,640,000,000		15,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

12- Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	502,273,638,213	255,722,512,286
Nợ dài hạn đến hạn trả	38,270,037,372	145,216,700,016
Tổng Cộng	<u><u>540,543,675,585</u></u>	<u><u>400,939,212,302</u></u>

Ngân hàng	Cuối kỳ	Kỳ hạn vay	Lãi suất %/năm	Khoản đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Hồng Kong- Thương Hải Việt Nam -"HSBC"	89,670,279,097	90 ngày kể từ ngày rút vốn	5.3%-5.8%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam -"Vietinbank"	100,000,000,000	05 tháng kể từ ngày rút vốn	5.20%	Tín chấp
Ngân hàng Taipei Fubon	106,230,000,000	120 ngày kể từ ngày rút vốn	2.96%	Tín chấp
Ngân hàng UOB	14,249,652,993	30 ngày kể từ ngày rút vốn	5.20%	Tín chấp
NGÂN HÀNG TNHH CTBC CN.TP.HCM - "CTBC"	1,659,275,200	06 tháng kể từ ngày rút vốn	5.20%	Tín chấp
Ngân hàng quốc tế -"VIB"	139,496,466,310	90 ngày kể từ ngày rút vốn	5%-5.4%	Tín chấp
	23,705,691,788	180 ngày kể từ ngày rút vốn	5.40%	Tín chấp
Ngân hàng Quân Đội -"MB"	27,262,272,825	05 tháng kể từ ngày rút vốn	5.20%	Thế chấp
Tổng cộng	<u><u>502,273,638,213</u></u>			

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

13- Phải trả người bán	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả bên thứ ba	271,654,276,309	265,262,235,541
Phải trả bên liên quan	12,092,229,596	18,510,145,567
Tổng cộng	283,746,505,905	283,772,381,108
14- Người mua trả tiền trước	Cuối kỳ	Đầu năm
Bên thứ ba trả trước	38,252,764,215	34,845,875,955
Bên liên quan trả trước	-	104,852,253
Tổng cộng	38,252,764,215	34,950,728,208
15- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế GTGT phải trả	9,412,955,466	17,662,993,337
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32,082,145,977	60,627,851,285
Thuế thu nhập cá nhân	3,329,292,214	2,704,945,678
Thuế đất thuê	-	-
Thuế khác	5,064,867,788	831,332,363
Tổng cộng	49,889,261,445	81,827,122,663
16- Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí Marketing phải trả	95,289,334,331	93,547,309,568
Thuế chuyển quyền sử dụng đất phải trả	34,594,000,000	34,594,000,000
Lương tháng 13 và thưởng	62,132,465,154	45,985,328,998
Phí vận chuyển	22,031,366,855	14,350,962,827
Hoa hồng bán hàng	28,420,813,238	20,871,418,585
Phí bản quyền	37,258,441,858	5,752,005,440
Chi phí lãi vay	765,128,243	1,931,764,928
Chi phí tiện ích	5,785,872,434	5,458,486,312
Chi phí khác	39,530,053,689	7,617,763,267
Tổng cộng	325,807,475,802	230,109,039,925
17- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
Hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	100,000,000,000
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	802,203,959	1,526,414,089
Kinh phí công đoàn	1,796,409,019	1,017,711,076
Nhận kỹ quỹ, ký cược	2,072,218,796	2,767,218,796
Cổ tức phải trả	2,181,123,780	2,435,013,268
Doanh thu chưa thực hiện	-	2,947,932,000
Phải trả khác	165,633,842,249	11,663,216,825
Tổng cộng	172,485,797,803	122,357,506,054

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**18 - Vay và nợ dài hạn**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Vay dài hạn từ ngân hàng	51,044,853,498	314,102,469,716
Trừ		
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>38,270,037,372</u>	<u>145,216,700,016</u>
Vay dài hạn	<u><u>12,774,816,126</u></u>	<u><u>168,885,769,700</u></u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	31 tháng 12 năm 2014	Kỳ hạn vay	Lãi suất %/năm	Khoản đảm bảo
UOB - USD	51,044,853,498	36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, là ngày 08/11/2012	5.00%	Dây chuyền sản xuất bánh
- Trong đó vay dài hạn đến hạn trả	38,270,037,372			
Tổng cộng	<u><u>51,044,853,498</u></u>			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả:	38,270,037,372
Vay dài hạn	12,774,816,126

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**19 - VỐN CHỦ SỞ HỮU****TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

KHOẢN MỤC	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng
Năm trước:								
Số dư đầu kỳ trước	1,599,216,250,000	2,189,781,329,788	(655,246,276,814)	809,449,689,144	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	4,010,273,661,046
Phát hành CP mới	66,010,000,000	31,686,000,000	-	-	-	-	-	97,696,000,000
Phát hành CP mới cho việc hợp nhất KD	11,056,450,000	40,630,558,500	-	-	-	-	-	51,687,008,500
Mua cổ phiếu quỹ	-	82,210,830,889	502,620,072,914	-	-	-	-	584,830,903,803
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	493,869,552,142	-	-	-	493,869,552,142
Cổ tức đã trả	-	-	-	(318,141,106,487)	-	-	-	(318,141,106,487)
Trích lập quỹ	-	-	-	(31,543,480,073)	-	-	-	(31,543,480,073)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	(7,028,950,000)	-	-	-	(7,028,950,000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,676,282,700,000	2,344,308,719,177	(152,626,203,900)	946,605,704,726	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	4,881,643,588,931
Năm nay								
Số dư đầu kỳ	1,676,282,700,000	2,344,308,719,177	(152,626,203,900)	946,605,704,726	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	4,881,643,588,931
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên	65,000,000,000	52,000,000,000	-	-	-	-	-	117,000,000,000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đồng chiến lược	400,000,000,000	1,303,236,643,412	-	-	-	-	-	1,703,236,643,412
Phát hành cổ phiếu thưởng	425,251,270,000	(425,251,270,000)	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	545,900,031,164	-	-	-	545,900,031,164
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(653,199,988,000)	-	-	-	-	(653,199,988,000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức đã trả	-	-	-	(379,818,123,296)	-	-	-	(379,818,123,296)
Trích lập quỹ	-	-	-	(9,856,000,000)	-	-	-	(9,856,000,000)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	(9,976,000,000)	-	-	-	(9,976,000,000)
Khác	-	-	-	(2,684,516,345)	-	-	-	(2,684,516,345)
Số dư cuối kỳ	2,566,533,970,000	3,274,294,092,589	(805,826,191,900)	1,090,171,096,249	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	6,192,245,635,866

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

20- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thành phẩm đã bán	1,207,458,105,687	1,048,228,183,769
- Doanh thu hàng hóa đã bán	125,165,968,669	144,559,278,400
- Doanh thu khác	9,735,185,725	-
Cộng	1,342,359,260,081	1,192,787,462,169
Trừ	(25,203,496,155)	(63,287,249,444)
- Hàng bán bị trả lại:	(12,363,385,711)	(32,726,766,397)
- Chiết khấu thương mại	(12,840,110,444)	(30,560,483,047)
Doanh thu thuần:	1,317,155,763,926	1,129,500,212,725
21- Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	43,731,690,303	23,712,747,853
- Doanh thu hoạt động chứng khoán	-	29,030,400
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,351,453,301	(51,309,931)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(770,916,397)	(972,251,884)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	495,474,683	104,000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	461,322,000
Cộng	45,807,701,890	23,179,642,438
22- Chi phí tài chính	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
- Lãi tiền vay	(756,765,292)	13,460,375,371
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,609,329,726	725,069,692
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2,146,840,321	1,311,009,052
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài h	4,422,976	3,837,403,107
- Chi phí tài chính khác	573,176,395	6,774,990,939
Cộng	4,577,004,126	26,108,848,161
23- Thu nhập khác	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
- Thu từ bán phế liệu	3,695,441,487	3,406,639,713
- Thanh lý tài sản	30,338,293,171	6,226,220,643
- Thu nhập khác	21,146,631,483	5,301,850,531
Cộng	55,180,366,141	14,934,710,887

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

24- Chi phí khác	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
- Từ bán phế liệu	5,327,906,223	2,210,019,775
- Thanh lý tài sản	1,857,781,316	4,868,039,263
- Chi phí khác	102,781,860	9,848,763,232
Cộng	7,288,469,399	16,926,822,270

25- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	22,745,476,468	3,430,979,864
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	7,442,511,525	8,808,992,814

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**26- Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Các nghiệp vụ với các bên có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các công ty có liên quan trong kỳ bao gồm:*Đơn vị tính: VNĐ*

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý IV/2014)</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, hàng hóa	9,211,962,451
		Mua thành phẩm	429,668,458
Công ty TNHH Tong Yuan	Công ty liên quan	Mua bao bì	18,901,761,465
		Phí trực in	951,000,000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

a. Phải thu khách hàng

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý IV/2014)</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	28,913,587,669
		Khác	1,936,000
Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô	Công ty liên quan	Chi phí thuê	1,475,506,794
Cộng			<u><u>30,391,030,463</u></u>

b. Trả trước cho người bán

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý IV/2014)</i>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Ứng trước tiền License	8,755,048,742
Cộng			<u><u>8,755,048,742</u></u>

c. Phải thu khác

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý IV/2014)</i>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Phải thu khác	1,450,000
Cộng			<u><u>1,450,000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

d. Phải trả nhà cung cấp

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (Quý IV/2014)
Công ty TNHH Tong Yuan	Công ty liên quan	Mua bao bì	11,288,817,589
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Mua thành phẩm	803,412,007
Cộng			12,092,229,596

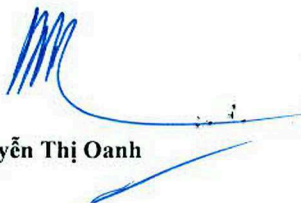
TP.HCM, ngày 22 tháng 04 năm 2015

NGƯỜI LẬP



Trần Minh Nguyệt

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Oanh



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Lệ Nguyên